lǐng kōng

领空

noun · airspace

Example Sentences

fēi jī wèi jīng yǔn xǔ bù néng jìn rù tā guó lǐng kōng
飞机未经允许不能进入他国领空。

Aircraft cannot enter another country's airspace without permission.

guó jiā lǐng kōng de zhǔ quán bù róng qīn fàn
国家领空的主权不容侵犯。

The sovereignty of a country's airspace is inviolable.

Trace each character, then write the word on your own.

领 领 领 领 领 领 领 领 领 领 领
领 领 领

空 空 空 空 空 空 空 空 空 空 空